

Công ty Cổ phần Vua Nệm

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 (ngày thành lập Công ty)
đến ngày 31 tháng 3 năm 2018



Công ty Cổ phần Vua Nệm

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 (ngày thành lập Công ty)
đến ngày 31 tháng 3 năm 2018



Công ty Cổ phần Vua Nệm

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 26



Công ty Cổ phần Vua Nệm

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vua Nệm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107968516 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 được cấp ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là kinh doanh thảm, đệm, chăn, rèm, ga trải giường, gối và sản phẩm dệt may khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại tầng 7, tòa nhà Nhật An, 30D phố Kim Mã Thượng, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 28 tháng 2 năm 2018 là ông Nguyễn Quang Huy và từ ngày 1 tháng 3 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này là ông Hoàng Tuấn Anh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vua Nệm

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vua Nệm ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 3 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

Số tham chiếu: 61435035/20346563

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vua Nệm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vua Nệm ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 3 năm 2018 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Building a better
working world


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1


Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		91.057.803.504
110	I. Tiền		4.063.784.324
111	1. Tiền	5	4.063.784.324
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		25.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	25.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.996.606.200
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	556.743.102
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	4.634.183.346
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.805.679.752
140	IV. Hàng tồn kho		31.685.963.108
141	1. Hàng tồn kho	9	31.685.963.108
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.311.449.872
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	18.946.661.515
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.364.788.357
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.496.739.035
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.664.640.912
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	2.664.640.912
220	II. Tài sản cố định		2.577.530.056
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.552.835.609
222	Nguyên giá		2.729.727.213
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(176.891.604)
227	2. Tài sản cố định vô hình		24.694.447
228	Nguyên giá		30.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.305.553)
260	III. Tài sản dài hạn khác		3.254.568.067
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.254.568.067
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		99.554.542.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		58.882.750.915
310	I. Nợ ngắn hạn		58.882.750.915
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	27.014.957.408
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	1.895.123.653
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	383.498.111
314	4. Phải trả người lao động		2.330.985.899
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	930.202.293
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	385.516.846
320	7. Vay ngắn hạn	17	25.942.466.705
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.671.791.624
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	40.671.791.624
411	1. Vốn cổ phần		58.333.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		58.333.000.000
421	2. Lũy kế		(17.661.208.376)
421b	- Lũy kỳ này		(17.661.208.376)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		99.554.542.539



Vũ Thị Thêu
Người lập



Trương Văn Tiến
Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	97.922.386.871
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	97.922.386.871
11	4. Giá vốn hàng bán	20	(63.071.475.216)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		34.850.911.655
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	780.168.824
22	7. Chi phí tài chính	21	(661.476.524)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(627.564.198)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(43.768.267.295)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(11.782.553.847)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(20.581.217.187)
31	11. Thu nhập khác	24	2.935.125.392
32	12. Chi phí khác		(15.116.581)
40	13. Lợi nhuận khác		2.920.008.811
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(17.661.208.376)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(17.661.208.376)



Vũ Thị Thêu
Người lập



Trương Văn Tiến
Kế toán trưởng




Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

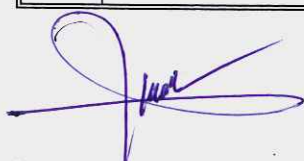
Ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lỗ kế toán trước thuế		(17.661.208.376)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định		182.197.157
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(707.026.410)
06	Chi phí lãi vay	21	627.564.198
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.558.473.431)
09	Tăng các khoản phải thu		(13.344.716.248)
10	Tăng hàng tồn kho		(31.685.963.108)
11	Tăng các khoản phải trả		32.940.284.210
12	Tăng chi phí trả trước		(22.201.229.582)
13	Tiền lãi vay đã trả		(627.564.198)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(52.477.662.357)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(2.759.727.213)
23	Tiền chi cho vay		(25.000.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		25.707.189
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(27.734.020.024)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Nhận vốn góp của chủ sở hữu		58.333.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		28.170.466.705
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.228.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		84.275.466.705
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.063.784.324
60	Tiền đầu kỳ		-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		-
70	Tiền cuối kỳ	5	4.063.784.324



Vũ Thị Thêu
Người lập



Trương Văn Tiến
Kế toán trưởng




Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vua Nệm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107968516 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 được cấp ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là kinh doanh thảm, đệm, chăn, rèm, ga trải giường, gối và sản phẩm dệt may khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại tầng 7, tòa nhà Nhật An, 30D phố Kim Mã Thượng, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 247 người.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018 cho mục đích báo cáo cho các cổ đông của Công ty.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 12 tháng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. GIAO DỊCH HỢP NHẤT KINH DOANH KHÔNG HÌNH THÀNH QUAN HỆ MẸ CON

Trong tháng 10 năm 2017, Công ty đã ký Thỏa thuận chuyển nhượng tài sản số HĐ/092017002 với Công ty Cổ phần Đầu tư Devico ("Devico") để nhận bàn giao hoạt động kinh doanh và một số tài sản của Devico với tổng giá trị chuyển nhượng là 33.512.519.869 VND. Theo thỏa thuận chuyển nhượng này, Devico sẽ chuyển nhượng cho Công ty toàn bộ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phân phối chăn, ga, gối và đệm tại nhiều tỉnh thành trong cả nước. Việc Công ty mua lại chuỗi hoạt động kinh doanh của công ty này là một phần trong chiến lược đầu tư vào thị trường bán lẻ của các sản phẩm này.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần của hoạt động kinh doanh được mua từ Devico. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của hoạt động kinh doanh của Devico tại ngày chuyển giao được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua

Tài sản cố định (phương tiện vận tải)	1.285.814.389
Tài sản ngắn hạn khác (công cụ, dụng cụ)	225.713.000
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	1.511.527.389
Tổng giá phí chuyển nhượng hoạt động kinh doanh và tài sản	33.512.519.869
Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	32.000.992.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

5. TIỀN

Đơn vị tính: VND

*Ngày 31 tháng 3
năm 2018*

Tiền mặt	1.073.514.180
Tiền gửi ngân hàng	1.356.178.343
Tiền đang chuyển	1.634.091.801
TỔNG CỘNG	<u>4.063.784.324</u>

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất là 6,5%/năm và có kỳ hạn một năm. Đồng thời, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này cũng đang được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng này (*Thuyết minh số 17*).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

*Ngày 31 tháng 3
năm 2018*

Công ty TNHH Xây dựng và Nội thất Royal City	121.543.220
Công ty TNHH MTV Khách sạn Azumaya - Chi nhánh Linh Lang	91.717.010
Phải thu khách hàng khác	343.482.872
TỔNG CỘNG	<u>556.743.102</u>

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

*Ngày 31 tháng 3
năm 2018*

Oracle America, Inc.	1.679.262.060
Teibto Co., Ltd.	683.850.000
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Semtop Việt	679.017.900
Công ty TNHH Tinh Lâm	551.433.733
Trả trước cho người bán khác	1.040.619.653
TỔNG CỘNG	<u>4.634.183.346</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Phải thu lãi tiền gửi	681.319.221
Tạm ứng cho nhân viên	474.617.487
Các khoản phải thu khác	1.649.743.044
TỔNG CỘNG	<u>2.805.679.752</u>

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

	Giá gốc	Dự phòng
Giá mua hàng hóa	29.503.249.033	-
Thành phẩm	831.905.311	-
Nguyên liệu, vật liệu	673.490.235	-
Công cụ, dụng cụ	433.233.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	244.085.529	-
TỔNG CỘNG	<u>31.685.963.108</u>	<u>-</u>

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác là các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng và thuê các cửa hàng trưng bày sản phẩm.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phương tiện vận tải

Nguyên giá:

Số đầu kỳ	-
- Mua trong kỳ	2.729.727.213
Số cuối kỳ	<u>2.729.727.213</u>

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu kỳ	-
- Khấu hao trong kỳ	176.891.604
Số cuối kỳ	<u>176.891.604</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>2.552.835.609</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Ngắn hạn	
Lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh (*)	15.960.209.239
Chi phí thuê cửa hàng, mặt bằng kinh doanh	2.748.977.145
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.475.131
	<u>18.946.661.515</u>
TỔNG CỘNG	
Dài hạn	
Chi phí nội thất cửa hàng mới	2.277.489.452
Công cụ dụng cụ xuất dùng	775.918.052
Chi phí trả trước dài hạn khác	201.160.563
	<u>3.254.568.067</u>
TỔNG CỘNG	

(*) Như được trình bày ở Thuyết minh số 4, Công ty đang ghi nhận lợi thế thương mại từ giao dịch mua hoạt động kinh doanh của Devico. Khoản lợi thế thương mại này được phân bổ trong vòng 12 tháng kể từ ngày hoàn tất thỏa thuận chuyển nhượng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH INOAC LIVING Việt Nam	4.630.866.817	4.630.866.817
Công ty TNHH TM - SX Nệm Kim Cương	4.450.432.470	4.450.432.470
Công ty Cổ phần Đầu tư Devico	4.003.774.605	4.003.774.605
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Dũng	3.223.540.588	3.223.540.588
Phải trả người bán khác	10.706.342.928	10.706.342.928
	<u>27.014.957.408</u>	<u>27.014.957.408</u>
TỔNG CỘNG		

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Khách hàng đặt cọc tiền mua hàng	1.895.123.653
TỔNG CỘNG	<u>1.895.123.653</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 18 tháng 8 năm 2017</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/cán trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	10.899.196.112	(10.899.196.112)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	159.825.588	(70.599.088)	89.226.500
Các khoản thuế, phí khác	-	358.327.734	(64.056.123)	294.271.611
TỔNG CỘNG	-	11.417.349.434	(11.033.851.323)	383.498.111

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

*Ngày 31 tháng 3
năm 2018*

Trích trước chi phí marketing	504.335.403
Trích trước chi phí xăng dầu	190.528.526
Trích trước chi phí in ấn	94.878.000
Trích trước khác	140.460.364
TỔNG CỘNG	930.202.293

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

*Ngày 31 tháng 3
năm 2018*

Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	378.792.306
Các khoản phải trả khác	6.724.540
TỔNG CỘNG	385.516.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

17. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay ngân hàng	-	-	24.997.466.705	(25.000.000)	24.972.466.705	24.972.466.705	
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	-	970.000.000	-	970.000.000	970.000.000	
TỔNG CỘNG	-	-	25.967.466.705	(25.000.000)	25.942.466.705	25.942.466.705	

17.1 Các khoản vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	9.992.989.386	Thanh toán lãi hàng tháng. Gốc vay đảo hạn từ ngày 7 tháng 5 năm 2018 đến ngày 2 tháng 7 năm 2018.	7,5%/năm	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng này (Thuyết minh số 6)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	14.979.477.319	Thanh toán lãi hàng tháng. Gốc vay đảo hạn từ ngày 8 tháng 5 năm 2018 đến ngày 17 tháng 7 năm 2018.	7,5%/năm	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng này (Thuyết minh số 6)
TỔNG CỘNG	24.972.466.705			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018			
Số đầu kỳ	-	-	-
Tăng vốn	58.333.000.000	-	58.333.000.000
Lỗi thuần trong kỳ	-	(17.661.208.376)	(17.661.208.376)
Số cuối kỳ	<u>58.333.000.000</u>	<u>(17.661.208.376)</u>	<u>40.671.791.624</u>

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ chưa góp (VND)
	Vốn điều lệ (VND)	% sở hữu		
Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon	58.331.840.000	99,98%	58.331.840.000	-
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	580.000	0,01%	580.000	-
Ông Hoàng Tuấn Anh	580.000	0,01%	580.000	-
TỔNG CỘNG	<u>58.333.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>58.333.000.000</u>	<u>-</u>

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng hóa

Đơn vị tính: VND

Cho giai đoạn tài chính
từ ngày 18 tháng 8 năm
2017 đến ngày 31 tháng
3 năm 2018

Tổng doanh thu	97.922.386.871
Trong đó:	
Doanh thu bán hàng hóa	97.922.386.871
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>-</u>
Doanh thu thuần	<u>97.922.386.871</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính từ
ngày 18 tháng 8 năm 2017
đến ngày 31 tháng 3 năm
2018*

Lãi tiền gửi	707.026.410
Doanh thu tài chính khác	73.142.414
TỔNG CỘNG	<u>780.168.824</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính từ
ngày 18 tháng 8 năm 2017
đến ngày 31 tháng 3 năm
2018*

Giá vốn bán hàng hóa	63.071.475.216
TỔNG CỘNG	<u>63.071.475.216</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính từ
ngày 18 tháng 8 năm 2017
đến ngày 31 tháng 3 năm
2018*

Chi phí lãi vay	627.564.198
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	33.912.326
TỔNG CỘNG	<u>661.476.524</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính từ
ngày 18 tháng 8 năm 2017
đến ngày 31 tháng 3 năm
2018*

Chi phí nhân viên	8.224.731.252
Chi phí set-up showroom	16.295.553.555
Chi phí khấu hao TSCĐ	132.521.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.983.215.806
Chi phí khác	1.132.244.943
TỔNG CỘNG	<u>43.768.267.295</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính
từ ngày 18 tháng 8 năm
2017 đến ngày 31 tháng
3 năm 2018*

Chi phí nhân viên quản lý	4.950.866.802
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.675.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.650.093.495
Chi phí khác	1.131.918.132
TỔNG CỘNG	<u>11.782.553.847</u>

24. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính
từ ngày 18 tháng 8 năm
2017 đến ngày 31 tháng
3 năm 2018*

Thưởng doanh số từ nhà cung cấp	2.271.918.645
Hàng biếu tặng	462.249.990
Thu nhập khác	200.956.757
TỔNG CỘNG	<u>2.935.125.392</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

*Cho giai đoạn tài chính
từ ngày 18 tháng 8 năm
2017 đến ngày 31 tháng
3 năm 2018*

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	384.809.185
Chi phí mua hàng hóa	63.020.245.424
Chi phí nhân công	13.175.598.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.197.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.192.562.356
Chi phí khác	1.666.884.182
TỔNG CỘNG	<u>118.622.296.358</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty phát sinh lỗ cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, do đó Công ty không trích lập thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
Lỗ kế toán trước thuế	(17.661.208.376)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(3.532.241.675)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
Chi phí trích trước chưa có chứng từ hợp lệ	186.040.459
Chi phí lãi vay không được khấu trừ theo Nghị định 20/NĐ-CP	125.512.840
Tài sản thuế hoãn lại của lỗ thuế chưa được ghi nhận	3.220.688.376
Chi phí thuế TNDN	-

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 16.103.441.880 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/3/2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/3/2018
2017	2022	16.103.441.880	-	-	16.103.441.880
TỔNG CỘNG		16.103.441.880	-	-	16.103.441.880

Lỗ tính thuế ước tính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế bên trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018	
Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon	Công ty mẹ	Nhận tiền góp vốn	57.333.000.000	
		Vay ngắn hạn	970.000.000	
Ông Hoàng Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Vay cá nhân	186.000.000	
		Trả tiền vay cá nhân	186.000.000	
		Nhận tiền góp vốn	350.000.000	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị	Vay cá nhân	2.000.000.000	
		Trả tiền vay cá nhân	2.000.000.000	
		Lãi khoản vay	30.375.001	
		Thanh toán lãi vay	30.375.001	
		Nhận tiền góp vốn	10.000.000	
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Nhận tiền góp vốn	640.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty thực hiện các giao dịch mua bán hàng với các bên liên quan theo mức giá bán thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>
			<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17)			
Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn (*)	970.000.000
			970.000.000

(*) Đây là khoản vay tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đáo hạn ngày 9 tháng 11 năm 2018.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>
		<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
Lương và thưởng		669.808.405
TỔNG CỘNG		669.808.405

28. CÁC CAM KẾT

Công ty hiện đang thuê các phòng trưng bày bán hàng và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>
		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>
Dưới 1 năm		15.321.856.000
Từ 1 đến 5 năm		36.213.664.667
Trên 5 năm		3.934.000.000
TỔNG CỘNG		55.469.520.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 10 tháng 5 năm 2018 và ngày 17 tháng 5 năm 2018, Công ty Cổ phần Chúc Ngủ Ngon đã chuyển tiền góp vốn với tổng số tiền 41,667 tỷ VND để tăng vốn cổ phần đã góp của Công ty lên 100 tỷ VND.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Vũ Thị Thêu
Người lập

Trương Văn Tiến
Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



About EY

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2018 Ernst & Young Vietnam Limited.
All Rights Reserved.

ey.com